

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 5 - 2019
V/v: Không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Lệ Oanh.

2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Toán - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Chau Chanh Th (tên gọi khác: S), sinh năm 1973.

Địa chỉ: số 519, tổ S, khu phố T, phường M, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Th, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số 519, tổ S, khu phố T, phường M, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/01/2019 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Chau Chanh Th trình bày: Vào tháng 12 năm 1988 tôi và ông Trần Văn Th được hai họ và bà con đến dự đám cưới nhưng từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau có hòa thuận và hạnh phúc. Năm 2011 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông Th không chăm lo đời sống vợ con;

luôn cờ bạc, đá gà. Năm 2016 ông Th có người phụ nữ khác; tôi có khuyên nhủ và cố gắng giữ hạnh phúc nhưng không được; vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Văn Th.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là Trần Thị Bạch Thu L, sinh ngày 05/11/1989 - giới tính nữ; Trần Thị Bạch Thu L, sinh ngày 27/11/1992 - giới tính nữ và Trần Thái Th, sinh ngày 02/02/1997 - giới tính nam. Hiện nay các con đã trưởng thành; tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn các con có nguyện vọng theo ở với ai là tùy tôi không cấm cản.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi chung sống với nhau không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng tôi.

Theo bản tự khai ngày 18/02/2019 và lời khai tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn Th trình bày: Tôi cưới vợ là Chau Chanh Th vào ngày 19/12/1988 và cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Nay bà Th xin ly hôn tôi hoàn toàn đồng ý ly hôn với bà Th.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là Trần Thị Bạch Thu L, sinh ngày 05/11/1989 - giới tính nữ; Trần Thị Bạch Thu L, sinh ngày 27/11/1992 - giới tính nữ và Trần Thái Th, sinh ngày 02/02/1997 - giới tính nam. Hiện nay các con đã trưởng thành; tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn các con có nguyện vọng theo ở với ai là tùy tôi không cấm cản.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi chung sống với nhau không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng tôi.

Nguyên đơn bà Chau Chanh Th: Tôi không có ý kiến tranh luận.

Bị đơn ông Trần Văn Th: Tôi không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các bên đương sự từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Chau Chanh Th và ông Trần Văn Th. Buộc bà Chau Chanh Th chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc bà Chau Chanh Th tranh chấp xin ly hôn đối với ông Trần Văn Th có nơi cư trú tại khu phố T, phường M, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nên được xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 1 Điều

28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Việc Tòa án tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xem xét xác minh thu thập tài liệu chứng cứ; thông báo để các bên đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải về nuôi con, tài sản và nợ chung đều được kịp thời và đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Không xem xét yêu cầu phản tố do bị đơn không có yêu cầu.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Xét việc xin ly hôn của bà Chau Chanh Th đối với ông Trần Văn Th; theo bà Th trình bày là do ông Th thiếu trách nhiệm với gia đình, luôn cờ bạc, đá gà và chung sống vợ chồng với người phụ nữ khác; làm cho tình cảm, hạnh phúc vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Th cương quyết xin ly hôn ông Th. Còn ông Th khai rằng ông có khoảng thời gian làm Công an xã, nên hiểu được việc lấy vợ, lấy chồng là phải đăng ký kết hôn nhưng do vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc sau đó do tính tình không hợp nên không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống ly thân; kinh tế gia đình, nuôi con chung mạnh ai nấy lo; ông không có cờ bạc, đá gà, chỉ nuôi gà thuê cho các đại gia. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân ông có tìm hiểu người phụ nữ khác. Theo ý kiến trình bày của bà Th và ông Th vợ chồng được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào tháng 12 năm 1988ÂL, tức khoảng tháng 01 năm 1989DL. Theo kết quả xác minh tại địa phương cho thấy bà Th, ông Th từ khi ông bà cưới nhau đến nay không có đăng ký kết hôn. Như vậy, việc bà Th và ông Th chung sống vợ chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.”*. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nói trên; Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Chau Chanh Th và ông Trần Văn Th.

[4] Về con chung: Bà Chau Chanh Th và ông Trần Văn Th trình bày có 03 con chung là Trần Thị Bạch Thu L, sinh ngày 05/11/1989; Trần Thị Bạch Thu L, sinh ngày 27/11/1992 và Trần Thái Th, sinh ngày 02/02/1997. Hiện nay các con đã trưởng thành; bà Th ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà Th và ông Th trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập được tài sản gì có giá trị; không nợ ai và ai nợ lại vợ chồng; không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận và miễn xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

[6] Về án phí: Bà Chau Chanh Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Tuyên Bó: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Chau Chanh Th và ông Trần Văn Th.

2. Về con chung: Ghi nhận việc bà Chau Chanh Th và ông Trần Văn Th không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, do Trần Thị Bạch Thu L, Trần Thị Bạch Thu L và Trần Thái Th đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận và không xem xét về tài sản chung và nợ chung, do bà Th và ông Th không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Chau Chanh Th phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Th đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008867 ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, nên bà Th không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự TP Hà Tiên;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân